TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **216**/2023/DS-PT
Ngày: 25-9-2023
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Đào.
Các Thẩm phán: Bà Phan Thị Thu Hương
Ông Nguyễn Trung Hưng
- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Đường Hạc Vương Dung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Hồng Thư - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19, 20, 21, 22 và 25 tháng 9 năm 2023 tại Hội trường 5 trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2023/TLPT-DS ngày 21 tháng 7 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 13/2023/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 201/2023/QĐ-PT ngày 01/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 473/2023/QĐ-PT ngày 29/8/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Tổ N, ấp C, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1991.(Văn bản ủy quyền ngày 27/3/2023)

Địa chỉ: Khu phố K, thị trấn P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn:

1. Ông Vũ Vinh H2, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ M, ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà Vũ Thị Q, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Tổ B, ấp M, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Q: Ông Nguyễn Tiến H – Luật sư Chi nhánh Văn phòng luật sư Đại Quốc V - Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: đường số S, phường C, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người kháng cáo*:* Bị đơn ông Vũ Ninh H2, bà Vũ Thị Q.

(Ông Vũ Ninh H2 và bà Vũ Thị Q có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H1 và bà Nguyễn Thị Ngọc T do ông Nguyễn Văn K đại diện trình bày:

Ông Vũ Vinh H2 trước đây có làm cùng ông Nguyễn Thanh H1 tại Cơ quan Mặt trận tổ quốc Việt Nam huyện T.

Do ông H2 và bà Q cần tiền làm ăn nên giữa ông Thanh H1 và ông Vinh H2 -bà Q có thỏa thuận cho vay tiền nhiều lần, việc cho vay tiền các bên tin tưởng nhau nên chỉ thoả thuận bằng lời nói, không lập hợp đồng vay tiền.

Khoảng vào tháng 11/2020 thì ông Thanh H1 – bà T cho bà Q và ông Vinh H2 vay tổng số tiền là 510.000.000đ. Bà Q vay của ông Thanh H1- bà T số tiền 300.000.000đ. Ông Vinh H2 vay của ông Thanh H1- bà T số tiền 210.000.000đ. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ tháng 11/2020. Có thoả thuận lãi suất là 5%/tháng. Từ khi vay tiền đến nay ông Vinh H2 và bà Q không thực hiện việc thanh toán gốc lãi theo thỏa thuận cho ông Thanh H1 và bà T. Ông Thanh H1 và bà T đã nhiều lần yêu cầu ông Vinh H2 và bà Q thanh toán nhưng vẫn chưa thanh toán nợ cho ông Thanh H1 và bà T.

Do đó, ông Nguyễn Thanh H1 và bà Nguyễn Thị Ngọc T khởi kiện với yêu cầu:

- Yêu cầu bà Vũ Thị Q có trách nhiệm trả cho ông Thanh H1- bà T số tiền còn nợ là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

- Yêu cầu ông Vũ Vinh H2 có trách nhiệm trả số tiền còn nợ là 210.000.000đ (Hai trăm mười triệu đồng).

Ngoài ra ông Thanh H1 và bà T không yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Vũ Vinh H2 trình bày:

Ông Vũ Vinh H2 đã từng làm cùng ông Nguyễn Thanh H1 tại Cơ quan Mặt trận tổ quốc Việt Nam huyện T. Giữa ông và ông Thanh H1 có thoả thuận cho vay tiền nhiều lần, vay vào năm 2018 đến năm 2020. Ông không nhớ cụ thể ngày vay. Mỗi lần vay bao nhiêu tiền ông không nhớ chính xác.

Theo giấy vay tiền ông Vinh H2 cung cấp cho Toà án thì thể hiện ngày 27/9/2019, ông có vay của bà T vợ ông Thanh H1 số tiền 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng).

Theo giấy mượn tiền ngày 28/9/2019, ông có vay của bà T-ông Thanh H1 số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng). Ông Vinh H2 nhớ là ông còn viết

giấy mượn tiền ông Thanh H1 số tiền 100.000.000đ giao ông Thanh H1 giữ giấy, hiện nay chưa trả lại giấy mượn tiền cho ông.

Như vậy, ông xác định là có vay của ông H1 tổng cộng 3 lần với số tiền tổng cộng là 280.000.000đ. Thời hạn vay không có thoả thuận cụ thể. Lãi suất có thoả thuận là 5%/tháng.

Sau khi vay tiền thì ông không trực tiếp trả tiền cho ông Thanh H1 mà bà Q là chị ruột ông trả nợ thay ông, cụ thể trả 04 lần:

+ Bà Q trả cho ông Thanh H1 số tiền 150.000.000đ vào ngày 04/3/2020.

+ Ngày 04/6/2020, bà Q trả cho ông Thanh H1 và bà T số tiền 30.000.000đ.

+ Ngày 20/4/2021, bà Q có thay mặt ông trả cho ông Thanh H1 số tiền 50.000.000đ.

+ Ngày 21/6/2021, bà Q có trả thêm cho ông Thanh H1 số tiền 50.000.000đ.

Do đó, tổng cộng ông Vinh H2 đã trả cho ông Thanh H1 và bà T số tiền 280.000.000đ. Ông đã trả hết tiền nợ gốc cho ông Thanh H1- bà T và hiện nay không còn nợ khoản tiền nào khác. Đối với bà Q hoàn toàn không có vay tiền của ông Thanh H1- bà T.

Bị đơn bà Vũ Thị Q trình bày: Bà hoàn toàn không có vay tiền của ông Thanh H1 và bà T. Bà là người trực tiếp trả tiền cho ông Thanh H1 cụ thể như sau:

+ Lần thứ nhất bà trả thay cho ông Vinh H2 số tiền là 150.000.000đ vào ngày 04/3/2020.

+ Ngày 04/6/2020, bà Q trả cho ông Thanh H1 và bà T số tiền 30.000.000đ.

+ Ngày 20/4/2021, bà có trả cho ông Thanh H1 số tiền 50.000.000đ.

+ Ngày 21/6/2021, bà có trả thêm cho ông Thanh H1 số tiền 50.000.000đ.

Bà đã trả cho ông Thanh H1 với tổng số tiền 280.000.000đ. Số tiền trên là bà trả thay ông Vinh H2, bà hoàn toàn không có vay tiền của ông Thanh H1- bà T.

Bà đã được Tòa án cho nghe đoạn ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà và ông Thanh H1 do ông Thanh H1 cung cấp cho Toà án. Trong đoạn ghi âm là đúng giọng nói của bà. Do ông Thanh H1 đòi nợ ông Vinh H2 nhiều lần nên bà có đứng ra nhận nợ để trả cho ông Thanh H1. Trong đoạn ghi âm bà có nói là tháng 8/2021 bà sẽ trả cho ông Thanh H1 số tiền 200.000.000đ. Tuy nhiên, số tiền nợ trên là của ông Vinh H2 nợ ông Thanh H1, bà hoàn toàn không có vay tiền của ông Thanh H1- bà T. Bà Q không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 13/2023/DS-ST ngày 27/4/2023 của Tòa án nhân huyện Nhơn Trạch đã căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H1 và bà Nguyễn Thị Ngọc T đối với bị đơn ông Vũ Vinh H2 và bà Vũ Thị Q về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Xử buộc ông Vũ Vinh H2 có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Thanh H1 và bà Nguyễn Thị Ngọc T số tiền là 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng).

Xử buộc bà Vũ Thị Q có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Thanh H1 và bà Nguyễn Thị Ngọc T số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/4/2023, bị đơn ông Vũ Vinh H2, bà Vũ Thị Q kháng cáo đề nghị sửa toàn bộ án án dân sự sơ thẩm ngày 27/4/2023 theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Án sơ thẩm buộc bà Vũ Thị Q trả cho ông Thanh H1 200.000.000đ là chưa đánh giá chứng cứ tài liệu đầy đủ toàn diện khách quan. Nguyên đơn cho rằng bà Q có vay 300.000.000đ đã trả được 100.000.000đ là không có cơ sở. Bởi lẽ: Trong tất cả các đơn ông Thanh H1 gửi đến các cơ quan chức năng như là đơn tố giác tội phạm, đơn gửi UBND xã H và đơn khởi kiện tại TAND huyện Nhơn Trạch đều thể hiện ông Thanh H1 cho ông Vũ Vinh H2 vay tiền. Bà Vũ Thị Q chỉ là người hứa trả nợ dùm em trai là Vinh H2. Nội dung các đoạn ghi âm đều thể hiện ông Thanh H1 đòi nợ bà Q chỉ vì hứa trả nợ dùm ông Vinh H2. Vụ án này là một chuỗi sự kiện bắt đầu từ đơn gửi UBND xã H tháng 7/2022, đơn tố giác gửi công an huyện T 8/2022 và đơn khởi kiện cũng như các biên bản làm việc tại Tòa án Nhơn Trạch là khớp với nhau từ lời khai của 2 bên. Nguyên đơn khởi kiện bà Q nhưng không có tài liệu chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc ông Thanh H1 nhận tiền từ bà Q là tiền bà Q trả nợ thay cho em mình (ông Vinh H2) là phù hợp. Nên việc ông Thanh H1 khởi kiện bổ sung cho rằng bà Q có nợ ông Thanh H1 và Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận nội dung khởi kiện là không có cơ sở.

Đối với khoản nợ của ông Vinh H2: Ông Vinh H2 thừa nhận có vay tiền nhiều lần của ông Thanh H1, nhưng sau đó bà Q đã thay ông Vinh H2 trả nợ hết. Điều này thể hiện bằng các giấy tờ ông Thanh H1 nhận tiền và ông Thanh H1 trả lại bản chính các giấy vay tiền. Ông Thanh H1 cũng không có giấy tờ nào thể hiện ông Vinh H2 còn nợ 210.000.000đ. Việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận

định ông Vinh H2 đã thừa nhận khoản nợ nên không cần chứng minh và không chứng minh được đã trả hết nên buộc ông Vinh H2 trả nợ, đây là việc Tòa án cấp sơ thẩm đang nhầm lẫn giữa 02 vấn đề. Tại thời điểm 08/3/2023 ông Thanh H1, bà T sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện nhưng không kèm theo chứng cứ để chứng minh. Lời khai và các chứng cứ có mâu thuẫn nhưng quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm không cho đối chất. Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn và bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thu thập chứng cứ đầy đủ khách quan, thời hạn tố tụng được đảm bảo, phiên tòa được thực hiện dân chủ, bình đẳng. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ luật tố tụng quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu ông Vũ Vinh H2 trả số nợ gốc 210.000.000đ: Nguyên đơn khai rằng cho ông Vũ Vinh H2 vay tiền nhiều lần tổng cộng 210.000.000đ nhưng không có giấy tờ gì. Ông Vũ Vinh H2 khai vay của nguyên đơn 3 lần tổng cộng 280.000.000đ, mỗi lần vay đều có viết giấy vay tiền đưa nguyên đơn giữ. Như vậy, cần căn cứ lời khai nguyên đơn xác định số tiền nguyên đơn cho ông Vũ Vinh H2 vay là 210.000.000đ. Bà Q đã trả nợ gốc dùm ông Vũ Vinh H2 2 lần tổng cộng 100.000.000đ (gồm 50.000.000đ vào ngày 20/4/2021; và 50.000.000đ vào ngày 10/6/2021), được nguyên đơn ký tên xác nhận. Như vậy, ông Vũ Vinh H2 còn nợ nguyên đơn 110.000.000đ (nợ gốc). Việc ông Vũ Vinh H2 khai nại rằng đã trả 40.000.000đ không có ký nhận nhưng ông Nguyễn Thanh H1 đã trả lại giấy mượn tiền; và trả 140.000.000đ không có ký nhận nhưng ông Nguyễn Thanh H1 đã trả lại giấy mượn tiền nên không còn nợ. Xét việc khai nại này phía nguyên đơn không thừa nhận, xét 2 giấy mượn tiền bản gốc thì chỉ có bút tích của ông Vũ Vinh H2, không có bút tích của nguyên đơn nên không đủ cơ sở xem đây là chứng cứ đã trả xong nợ.

Nguyên đơn yêu cầu bà Vũ Thị Q trả số nợ gốc 200.000.000đ: Nguyên đơn khai rằng có cho bà Q vay 200.000.000đ, không làm giấy vay tiền, nhưng có ghi âm giọng nói bà Q hứa trả nợ vào ngày 10/6/2021. Bà Q không thừa nhận có vay tiền của vợ chồng ông Nguyễn Thanh H1, bà thừa nhận chỉ đứng ra trả cho ông Nguyễn Thanh H1 số tiền 280.000.000đ (là tiền ông Vinh H2 vay của ông Thanh H1), tức trả nợ dùm em trai. Xét thấy, đoạn ghi âm trong USB được bà Q thừa nhận đúng giọng nói của bà, trong đó câu cuối cùng bà Q hứa trả tiền cho nguyên đơn, nhưng nếu nghe từ đoạn đầu thì thể hiện đây là nợ nguyên đơn cho ông Vũ Vinh H2 mượn, không phải nợ cho bà Q mượn. Vì vậy, xác định bà Q không có vay tiền của nguyên đơn.

Từ phân tích trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Vũ Vinh H2 trả nguyên đơn 210.000.000đ nợ gốc, buộc bà Vũ Thị Q trả nguyên đơn 200.000.000đ nợ gốc là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 2, điều 308 BLTTDS, chấp nhận

một phần kháng cáo của ông Vũ Vinh H2 và bà Vũ Thị Q, sửa một phần bản án sơ thẩm số 13/2023/DS-ST ngày 27/4/2023 của TAND huyện Nhơn Trạch theo hướng: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Vũ Vinh H2 trả nguyên đơn 110.000.000đ nợ gốc; không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà Q trả 200.000.000đ nợ gốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Vũ Vinh H2, bà Vũ Thị Q kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí trong hạn luật định nên được chấp nhận theo thủ tục phúc thẩm.

Đối với nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H1, bà Nguyễn Thị Ngọc T, và ông Nguyễn Văn K có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

Vào ngày 25/9/2023 Hội đồng xét xử có nhận được đơn xin rút đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H1, bà Nguyễn Thị Ngọc T nhưng không có xác nhận chữ ký có đúng là của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H1, bà Nguyễn Thị Ngọc T hay không. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông Vũ Vinh H2, bà Vũ Thị Q không đồng ý việc nguyên đơn rút đơn khởi kiện và bị đơn không đồng ý việc kháng cáo. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 299 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận việc rút khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật: Cấp sơ thẩm xác định đúng và đầy đủ.

[3] Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo:

[3.1] Về nội dung vụ án:

Ông Nguyễn Thanh H1 và bà Nguyễn Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu: Bà Vũ Thị Q có trách nhiệm trả cho ông Thanh H1- bà T số tiền còn nợ là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) và ông Vũ Vinh H2 có trách nhiệm trả số tiền còn nợ là 210.000.000đ (Hai trăm mười triệu đồng).

[3.2] Về yêu cầu kháng cáo:

Bị đơn ông Vũ Vinh H2, bà Vũ Thị Q kháng cáo đề nghị sửa toàn bộ án dân sự sơ thẩm ngày 27/4/2023 theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với khoản vay của ông Vũ Vinh H2: Nhận thấy, tại cấp sơ thẩm nguyên đơn ông Thanh H1 - bà T và bị đơn ông Vinh H2 đều xác định là giữa ông Thanh H1 và bà T có thỏa thuận cho ông Vinh H2 vay tiền nhiều lần. Nguyên đơn ông Thanh H1 và bà T xác định tổng số tiền cho ông Vinh H2 vay là 210.000.000đ và đến nay chưa trả. Ông Vinh H2 xác định ông có vay của ông Thanh H1 và bà T số tiền 280.000.000đ.

Việc nguyên đơn ông Thanh H1, bà T yêu cầu ông Vinh H2 trả nợ gốc 210.000.000đ, nguyên đơn khai rằng cho ông Vinh H2 vay tiền nhiều lần tổng cộng 210.000.000đ nhưng không có giấy tờ gì. Ông Vinh H2 khai vay của nguyên đơn 03 lần tổng cộng 280.000.000đ, mỗi lần vay đều có viết giấy tay tiền do nguyên đơn giữ. Cần căn cứ lời khai nguyên đơn xác định số tiền nguyên đơn cho ông Vinh H2 vay là 210.000.000đ. Ông Vinh H2 cho rằng, ông nhờ bà Q là chị ruột của ông trả tiền thay và đã trả hết nợ cho nguyên đơn nhưng không được ông Thanh H1 và bà T thừa nhận, ông Vinh H2 không có chứng cứ gì chứng minh. Ông Vinh H2 có cung cấp các giấy vay tiền thể hiện ông Vinh H2 là người viết và ký tên vào giấy vay tiền nhưng các giấy vay tiền nêu trên không được ông Thanh H1 và bà T thừa nhận, các giấy vay tiền thể hiện ông Vinh H2 vay của bà Nguyễn Thị T (không phải vay của bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Thanh H1) nên không có căn cứ xác định ông Vinh H2 đã trả tiền cho ông Thanh H1- bà T.

Bà Q đã trả nợ gốc dùm ông Vinh H2 02 lần tổng cộng 100.000.000đ (50.000.000đ ngày 20/4/2021-bút lục 34; và 50.000.000đ ngày 10/6/2021 – bút lục 31) được nguyên đơn ký xác nhận.

Việc ông Vinh H2 khai rằng đã trả cho nguyên đơn 02 lần, 01 lần 40.000.000đ và 01 lần 140.000.000đ nên nguyên đơn đã trả lại giấy mượn tiền cho ông Vinh H2, nhưng không có chữ ký xác nhận của nguyên đơn. Việc khai nại này của ông Vinh H2 không được nguyên đơn thừa nhận. Giấy mượn tiền bản chính ngày 27/9/2019 và 28/9/2019 là bút tích của ông Vinh H2, không có bút tích của nguyên đơn nên không đủ cơ sở xem đây là chứng cứ đã trả xong nợ. Như vậy, bị đơn ông Vinh H2 còn nợ nguyên đơn số tiền nợ vay gốc là 110.000.000đ.

- Đối với khoản vay của bà Vũ Thị Q: Việc nguyên đơn yêu cầu bà Vũ Thị Q trả nợ gốc 200.000.000đ. Nguyên đơn khai có cho bà Q vay 200.000.000đ không làm giấy vay tiền, bà Q không thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn ông Thanh H1, mà chỉ trả nợ thay cho em là ông Vinh H2, trong đoạn có ghi âm giọng nói của bà Q hứa trả nợ ngày 10/6/2021. Bà Q không thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn, bà Q chỉ thừa nhận đứng ra trả nợ thay cho ông Vinh H2 số tiền là 280.000.000đ.

Xét thấy, đoạn ghi âm USB được bà Q thừa nhận là đúng giọng nói của bà, trong đó câu cuối cùng bà Q hứa trả tiền cho nguyên đơn, nghe từ đầu đoạn ghi âm thể hiện đây là nợ nguyên đơn cho bị đơn ông Vũ Vinh H2 mượn, không phải nợ bà Q. Nên xác định bà Q không vay tiền nguyên đơn.

Cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ. Nên cấp phúc thẩm sửa một phần án sơ thẩm theo hướng chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Vinh H2 trả cho nguyên đơn số tiền nợ vay là 110.000.000đ. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Q trả số tiền nợ vay 200.000.000đ.

Ngoài ra cấp sơ thẩm khi thu thập chứng cứ là USB có ghi âm do nguyên đơn cung cấp: lập biên bản nhưng không cho nguyên đơn ký giao nhận, và cũng

không yêu cầu nguyên đơn làm giải trình nguồn gốc, xuất xứ và nội dung file ghi âm giữa ai với ai mà lại xem đây là chứng cứ để làm căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là vi phạm khoản 2 Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Vũ Vinh H2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bà Vũ Thị Q được miễn án phí theo quy định.

Do sửa án sơ thẩm nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Vinh H2, bà Q phù hợp 01 phần với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Vũ Vinh H2, bà Vũ Thị Q. Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H1 và bà Nguyễn Thị Ngọc T đối với bị đơn ông Vũ Vinh H2 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc ông Vũ Vinh H2 có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Thanh H1 và bà Nguyễn Thị Ngọc T số tiền là 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H1 và bà Nguyễn Thị Ngọc T đối với bị đơn bà Vũ Thị Q về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

3. Về án phí:

Ông Vũ Vinh H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.500.000đ. Ông H2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Vinh H2 số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0008775 ngày 05/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Ông Nguyễn Thanh H1 và bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 15.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.200.000đ theo biên lai số 0008458 ngày 13/3/2023 và 5.000.000đ theo biên lai số 0008680 ngày

16/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai được tính trừ án phí phải chịu. Ông Thanh H1 và bà Ngọc T còn phải nộp tiếp 4.800.000đ

Kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND T.Đồng Nai (1);
- TAND H.Nhơn Trạch (1);
- Chi cục THADS H.Nhơn Trạch (1);
- Đương sự;
- Lưu (6).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Phạm Thị Xuân Đào